

Số: /BC-DVVLKH

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

**BÁO CÁO**  
**Thị trường lao động Quý I/2026**  
**và dự báo nhu cầu lao động Quý II/2026**

**I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI QUÝ I NĂM 2026**

Với tỉnh Khánh Hòa, tình hình kinh tế - xã hội Quý I năm 2026 tiếp tục duy trì tốc độ phát triển tích cực với nhiều chỉ tiêu kinh tế tăng so cùng kỳ năm trước. Cùng với đó, các lĩnh vực văn hóa xã hội, hoạt động giáo dục tiếp tục được sự quan tâm của toàn xã hội. Công tác bảo đảm an sinh xã hội, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chăm lo Tết cho Nhân dân được các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện kịp thời, hiệu quả. Công tác phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân, vệ sinh an toàn thực phẩm được giám sát chặt chẽ. Mô hình chính quyền địa phương hai cấp tiếp tục được hoàn thiện và nâng cao theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đã tổ chức thành công cuộc bầu cử đảm bảo tiến độ và đúng quy định của pháp luật với số cử tri đi bầu cử đạt tỷ lệ cao ở hầu hết các địa phương. Quốc phòng, an ninh, được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.



**Hình 1:** Tốc độ phát triển của các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu quý I năm 2026 so năm trước  
(Nguồn: Báo cáo số 288/BC-TKT ngày 02/4/2026 của Thống kê tỉnh Khánh Hòa)

**1. Tổng quan tăng trưởng kinh tế trong tỉnh \***

Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa Quý I năm 2026 đạt nhiều kết quả quan trọng, cụ thể: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước tăng 8,37%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội (theo giá hiện hành) tăng 16,84%; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 17,2%; doanh thu du lịch tăng 30,94%; tổng thu ngân sách nhà nước tăng 69,23%;...

Quý I năm 2026, GRDP khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 0,06% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Khu vực nông nghiệp giảm 2,85% so cùng kỳ năm trước, do chịu ảnh hưởng của mưa lụt vào cuối năm 2025 nên nhiều cây hằng năm có diện tích gieo trồng giảm, hoạt động chăn nuôi vẫn chưa khôi phục như trước lụt; Khu vực lâm nghiệp giảm 1,83%; Riêng khu vực thủy sản tăng 2,82%, nhờ nuôi trồng thủy sản tăng, đặc biệt là sản lượng tôm do nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu ổn định.

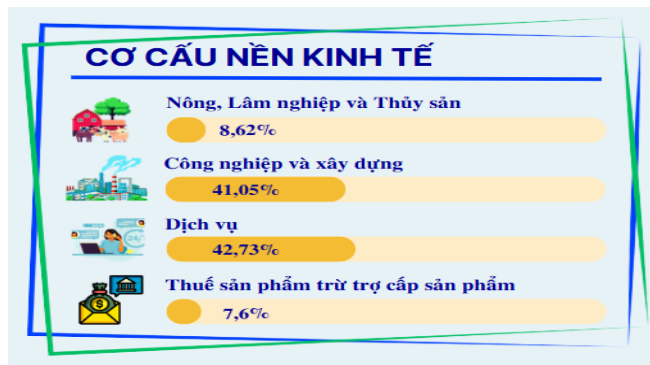
GRDP khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,39% so cùng kỳ năm trước, là khu vực có tốc độ tăng trưởng cao nhất. Trong đó: Ngành công nghiệp tăng 8,53% (ngành chế biến chế tạo tăng 10,2%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,69%); Ngành xây dựng tăng 17,08%, đây được xem là động lực tăng trưởng chủ yếu của khu vực II với nhiều dự án lớn được triển khai thi công.

Khu vực dịch vụ với cơ cấu chiếm tỷ trọng cao nhất trong GRDP toàn tỉnh có mức tăng 9,84% so cùng kỳ năm trước, nhờ nhu cầu tiêu dùng của người dân và khách du lịch tăng cao, đặc biệt là trong các dịp Lễ, Tết. Trong khu vực dịch vụ, một số ngành chiếm tỷ trọng lớn có mức tăng trưởng khá góp phần vào mức tăng của tổng giá trị tăng thêm như: Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 19,07%; nghệ thuật, vui chơi, giải trí tăng 17,13% nhờ lượng khách du lịch tăng mạnh, nhất là thị trường khách quốc tế; vận tải kho bãi tăng 13,87% do nhu cầu đi lại của người dân và khách du lịch tăng, hạ tầng giao thông thuận lợi; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 9,62%; giáo dục và đào tạo tăng 9,39%; hoạt động thương mại tăng 8,86%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,22%;...

Nhìn chung quý I năm 2026, hoạt động thương mại và dịch vụ trên toàn tỉnh vẫn diễn ra khá sôi động. Trước áp lực từ xung đột địa chính trị và giá nhiên liệu leo thang, ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đang triển khai đồng bộ các giải pháp linh hoạt, tận dụng lợi thế hạ tầng cao tốc và bút phá ở phân khúc khách tàu biển để duy trì đà tăng trưởng. Sản xuất, thương mại phục hồi, thu nhập của người dân ổn định nên sức mua cũng dần được cải thiện. Đặc biệt, trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026, ngành du lịch ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng khi lượng khách trong nước và quốc tế đến tham quan, nghỉ dưỡng tăng cao, trở thành động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh; góp phần đưa tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý I năm 2026 ước được 53.619,8 tỷ đồng, tăng 17,2% so cùng kỳ năm trước; Doanh thu du lịch được 20.415 tỷ đồng, tăng 30,94%; Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu được 916,9 triệu USD, giảm 9,68% so cùng kỳ năm trước, cụ thể: kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước được 594 triệu USD, giảm 8,58% so cùng kỳ năm trước; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước được 322,9 triệu USD, giảm 11,64% so cùng kỳ năm trước.

## **2. Cơ cấu nền kinh tế\***

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (theo giá hiện hành) quý I năm 2026 ước được 50.306,3 tỷ đồng, với cơ cấu nền kinh tế như sau: Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 8,62%; ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 41,05%; ngành dịch vụ chiếm 42,73%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 7,6% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm trước là: 9,21%; 40,79%; 41,89%; 8,11%).



Hình 2: Cơ cấu nền kinh tế Quý I năm 2026

### 3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp\*

Tính từ ngày 01/01/2026 đến 19/3/2026, toàn tỉnh có 714 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 66,43% so cùng kỳ năm trước với tổng số vốn đăng ký là 4.954,7 tỷ đồng, giảm 8,43%. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới tính đến nay đạt 6,94 tỷ đồng, giảm 44,98% so cùng kỳ năm trước. Tính đến 19/3/2026, toàn tỉnh có 466 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 20,88% so cùng kỳ năm trước; 1.260 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, giảm 0,24%; 168 doanh nghiệp đã giải thể, tăng 43,59%.

(\* Nguồn: Báo cáo số 288/BC-TKT ngày 02/4/2026 của Thống kê tỉnh Khánh Hòa)

## II. TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM QUÝ I NĂM 2026

### Biến động việc làm theo ngành

Trong Quý I năm 2026, tình hình biến động việc làm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa dự kiến tiếp tục có sự điều chỉnh theo xu hướng phục hồi và mở rộng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp sau giai đoạn đầu năm.

So với quý trước, lao động tăng ở một số ngành như: Dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 6,24%; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,94%; Hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 3,01%; Khai khoáng tăng 2,63%. Nguyên nhân chủ yếu do doanh nghiệp có nhu cầu tuyển bổ sung lao động nhằm bù đắp số lao động thiếu hụt phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là các trường hợp người lao động nghỉ việc vì lý do cá nhân. Bên cạnh đó, lao động giảm tại một số ngành như: Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 2,30%; Xây dựng giảm 1,54%; Công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 1,11%; Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội giảm 0,63%.

Nguyên nhân giảm lao động trong Quý I năm 2026 tại các doanh nghiệp là: Lao động thỏa thuận xin nghỉ việc vì lý do cá nhân chiếm 81,21%; Thai sản và lý do khác chiếm 7,64%; Doanh nghiệp đơn phương chấm dứt hợp đồng là 7,48%; Lao động nghỉ hưu chiếm 1,91%; Thay đổi cơ cấu là 1,75%. Số lao động nghỉ việc tập trung chủ yếu ở các ngành: may mặc; gia công găng tay; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; xây dựng; y tế; du lịch. Nhìn chung, biến động việc làm trong Quý I/2026 được đánh giá là phù hợp với chu kỳ sản xuất - kinh doanh và xu hướng phục hồi kinh tế, trong đó nhu cầu tuyển mới có xu hướng tăng mạnh hơn so với Quý IV/2025.

(Nguồn số liệu: Trung tâm Dịch vụ việc làm thực hiện thu thập, tổng hợp phân tích từ báo cáo biến động lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa)

### III. XU HƯỚNG TUYỂN DỤNG VÀ TÌM VIỆC LÀM

Trong Quý I/2026, Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa đã thực hiện khảo sát, thu thập thông tin cung - cầu lao động trên địa bàn tỉnh thông qua các doanh nghiệp, các kênh thông tin việc làm với 704 lượt doanh nghiệp; nhu cầu tuyển dụng là 814 vị trí việc làm với số lượng tuyển dụng 4.937 lao động và 2.535 lao động có nhu cầu tìm việc làm. Tổng hợp phân tích kết quả khảo sát như sau:

#### 1. Nhu cầu tuyển dụng lao động

Các nhóm ngành có nhu cầu tuyển dụng trong Quý I/2026: tập trung ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo. Điều này cho thấy vai trò chủ lực của khu vực sản xuất trong cơ cấu việc làm, đồng thời phản ánh nhu cầu lao động phổ thông vẫn chiếm tỷ trọng lớn.

Các nhóm ngành có nhu cầu tuyển dụng: Công nghiệp chế biến, chế tạo có nhu cầu tuyển dụng 1.333 lao động (chiếm 27% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác có nhu cầu tuyển dụng 999 lao động (chiếm 20,23% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Xây dựng có nhu cầu tuyển dụng 600 lao động (chiếm 12,15% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm có nhu cầu tuyển dụng 450 lao động (chiếm 9,11% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Giáo dục và đào tạo có nhu cầu tuyển dụng 296 lao động (chiếm 6% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ có nhu cầu tuyển dụng 279 lao động (chiếm 5,65% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Dịch vụ lưu trú và ăn uống có nhu cầu tuyển dụng 263 lao động (chiếm 5,33% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có nhu cầu tuyển dụng 197 lao động (chiếm 3,99% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Vận tải kho bãi có nhu cầu tuyển dụng 131 lao động (chiếm 2,65% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội có nhu cầu tuyển dụng 98 lao động (chiếm 1,99% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Hoạt động kinh doanh bất động sản; có nhu cầu tuyển dụng 95 lao động (chiếm 1,92% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Các ngành khác có nhu cầu tuyển dụng 196 lao động (chiếm 3,97% nhu cầu tuyển dụng trong Quý).



Hình 3: Nhóm ngành nghề tuyển dụng lao động Quý I/2026

### a) Phân theo trình độ đào tạo

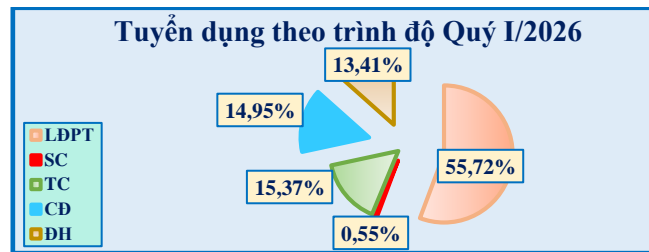
- Lao động phổ thông chiếm 55,72% chủ yếu tuyển dụng các ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản...

- Sơ cấp chiếm 0,55% chủ yếu tuyển dụng các ngành: Vận tải kho bãi; Dịch vụ lưu trú và ăn uống...

- Trung cấp chiếm 15,37% chủ yếu tuyển dụng các ngành: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Xây dựng; Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; ...

- Cao đẳng chiếm 14,95% chủ yếu tuyển dụng các ngành: Xây dựng; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; Giáo dục và đào tạo...

- Đại học và Trên đại học chiếm 13,41% chủ yếu ở các ngành: Xây dựng; Giáo dục và đào tạo; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ...



Hình 4: Nhu cầu tuyển dụng phân theo trình độ Quý I/2026

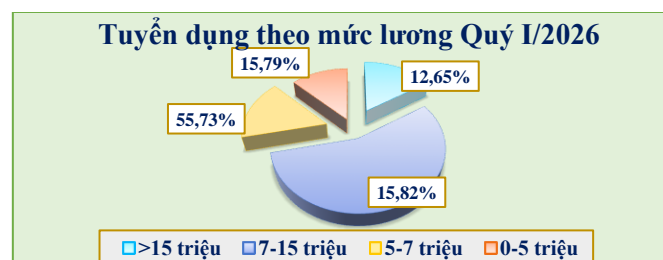
### b) Phân theo mức lương

- Dưới 5 triệu chiếm 4,15% chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác...

- Từ 5 - 7 triệu chiếm 28,66% chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú và ăn uống...

- Từ 7 - 15 triệu chiếm 48,27% chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; Xây dựng; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác...

- Trên 15 triệu chiếm 18,92% chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Xây dựng; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ...



Hình 5: Nhu cầu tuyển dụng phân theo mức lương Quý I/2026

### c) Phân theo kinh nghiệm

- Không yêu cầu kinh nghiệm: chiếm 54,63% và có chiều hướng vẫn dẫn đầu liên tục trong các Quý tuyển dụng, chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản...

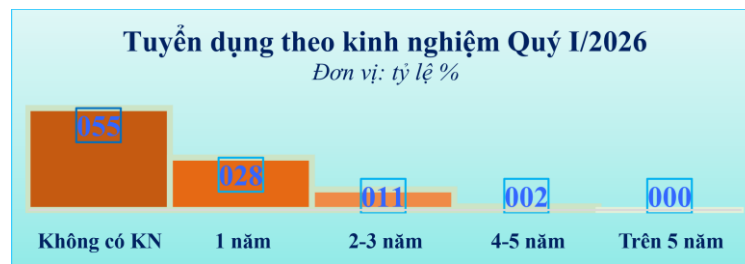
- Yêu cầu kinh nghiệm: chiếm 41,30%. Trong đó:

+ Từ 01 năm chiếm 28,18% chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Xây dựng; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm...

+ Từ 02 - 03 năm chiếm 11,08% chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Xây dựng; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm...

+ Từ 04 - 05 năm chiếm 1,99% chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ...

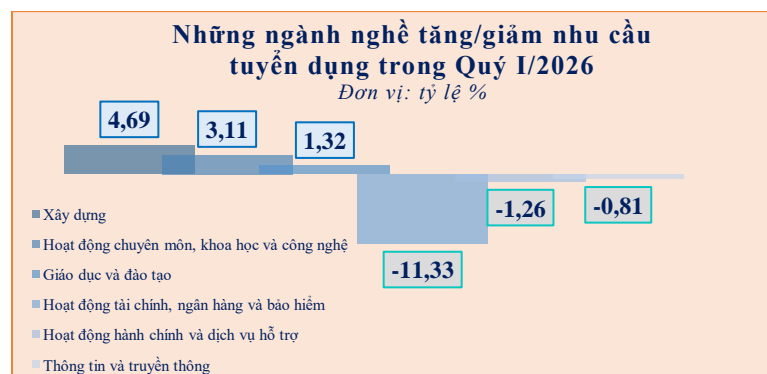
+ Trên 05 năm chiếm 0,06% chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Dịch vụ lưu trú và ăn uống...



Hình 6: Nhu cầu tuyển dụng phân theo kinh nghiệm Quý I/2026

### \* Nhu cầu tuyển dụng trong Quý I/2026 so với Quý IV/2025

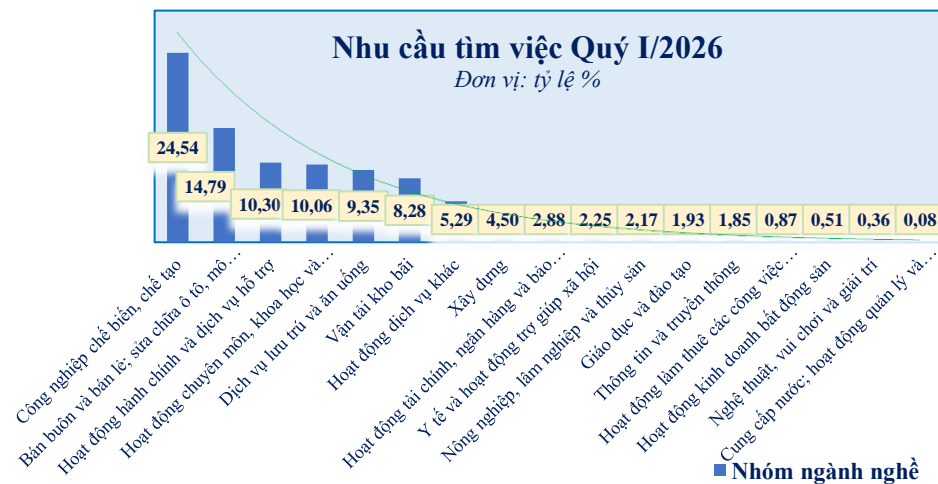
Một số ngành sụt giảm về nhu cầu tuyển dụng lao động so với Quý IV/2025 bao gồm: Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (giảm 11,33%); Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ (giảm 1,26%); Thông tin và truyền thông (giảm 0,81%). Những ngành nghề tăng nhu cầu tuyển dụng lao động so với Quý IV/2025 gồm: Xây dựng (tăng 4,69%); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ (tăng 3,11%); Giáo dục và đào tạo (tăng 1,32%).



Hình 7: Những ngành nghề tăng/giảm nhu cầu tuyển dụng Quý I/2026 so với Quý IV/2025

## 2. Nhu cầu tìm việc làm

Qua khảo sát tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa, số lao động có nhu cầu tìm việc Quý I/2026 là 2.535 người, tập trung chủ yếu ở các nhóm ngành như sau: Công nghiệp chế biến, chế tạo có nhu cầu tìm việc 622 lao động (chiếm 24,54% nhu cầu tìm việc trong Quý); Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác có nhu cầu tìm việc 375 lao động (chiếm 14,79% nhu cầu tìm việc trong Quý); Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ có nhu cầu tìm việc 261 lao động (chiếm 10,30% nhu cầu tìm việc trong Quý); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ có nhu cầu tìm việc 255 lao động (chiếm 10,06% nhu cầu tìm việc trong Quý); Dịch vụ lưu trú và ăn uống có nhu cầu tìm việc 237 lao động (chiếm 9,35% nhu cầu tìm việc trong Quý); Vận tải kho bãi có nhu cầu tìm việc 210 lao động (chiếm 8,28% nhu cầu tìm việc trong Quý); Xây dựng có nhu cầu tìm việc 114 lao động (chiếm 4,50% nhu cầu tìm việc trong Quý); Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm có nhu cầu tìm việc 73 lao động (chiếm 2,88% nhu cầu tìm việc trong Quý); Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội có nhu cầu tìm việc 57 lao động (chiếm 2,25% nhu cầu tìm việc trong Quý); Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có nhu cầu tìm việc 55 lao động (chiếm 2,17% nhu cầu tìm việc trong Quý); Giáo dục và đào tạo có nhu cầu tìm việc 49 lao động (chiếm 1,93% nhu cầu tìm việc trong Quý); Các ngành khác có nhu cầu tìm việc 227 lao động (chiếm 8,95% nhu cầu tìm việc trong Quý). Thị trường lao động đang xuất hiện tình trạng lệch pha rõ rệt khi nguồn cung lao động phổ thông dồi dào, trong khi doanh nghiệp lại thiếu hụt lao động có tay nghề và kỹ năng chuyên môn



**Hình 8:** Nhóm ngành nghề có nhu cầu tìm việc trong Quý I/2026

### a) Về trình độ lao động

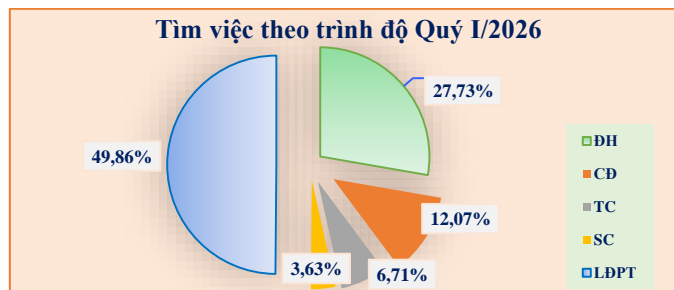
- Trình độ Đại học và trên Đại học chiếm 27,73% chủ yếu ở các nhóm ngành: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác...

- Trình độ Cao đẳng chiếm 12,07% chủ yếu ở các nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác...

- Trình độ Trung cấp chiếm 6,71% chủ yếu ở các nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Vận tải kho bãi; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ...

- Trình độ Sơ cấp nghề chiếm 3,63% chủ yếu ở nhóm ngành: Vận tải kho bãi; Công nghiệp chế biến, chế tạo...

- Lao động phổ thông chiếm 49,86% chủ yếu ở các nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình...



**Hình 9:** Nhu cầu tìm việc phân theo trình độ đào tạo Quý I/2026

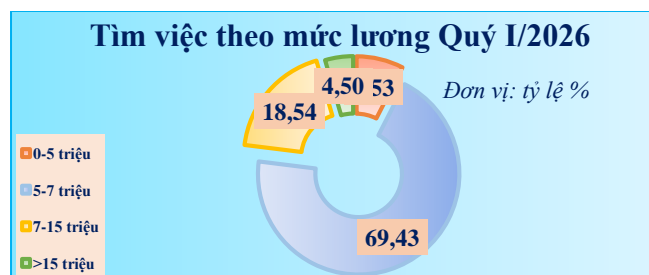
### b) Về mức lương

- Dưới 5 triệu chiếm 7,53% chủ yếu ở các nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Vận tải kho bãi...

- Từ 5 triệu đến 7 triệu chiếm 69,43% chủ yếu ở các nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Vận tải kho bãi...

- Từ 7 triệu đến 15 triệu chiếm 18,54% chủ yếu ở các nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ...

- Trên 15 triệu chiếm 4,50% chủ yếu ở các nhóm ngành: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; Thông tin và truyền thông...



**Hình 10:** Nhu cầu tìm việc phân theo mức lương Quý I/2026

**c) Về kinh nghiệm**

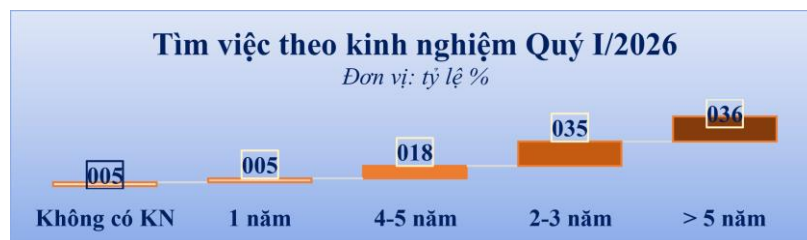
- Trên 5 năm kinh nghiệm chiếm 35,86% chủ yếu ở các nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ...

- Từ 4 - 5 năm kinh nghiệm chiếm 18,30% chủ yếu ở nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Dịch vụ lưu trú và ăn uống...

- Từ 2 - 3 năm kinh nghiệm chiếm 34,83% chủ yếu ở nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú và ăn uống...

- 1 năm kinh nghiệm chiếm 5,44% chủ yếu ở nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; Vận tải kho bãi...

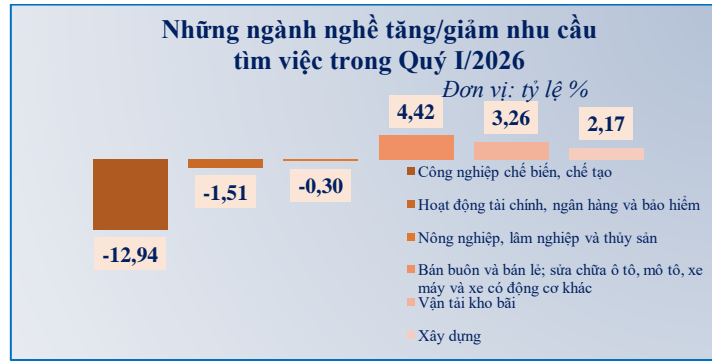
- Không có kinh nghiệm chiếm 5,25% chủ yếu ở nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ...



**Hình 11:** Nhu cầu tìm việc phân theo kinh nghiệm Quý I/2026

**\* Nhu cầu tìm việc trong Quý I/2026 so với Quý IV/2025**

Nhóm ngành nghề có sự sụt giảm về nhu cầu tìm việc so với Quý IV/2025 như: Công nghiệp chế biến, chế tạo (giảm 12,94%); Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (giảm 1,51%); Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (giảm 0,30%). Các nhóm ngành có nhu cầu tìm việc tăng so với Quý IV/2025 gồm: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (tăng 4,42%); Vận tải kho bãi (tăng 3,26%); Xây dựng (tăng 2,17%).



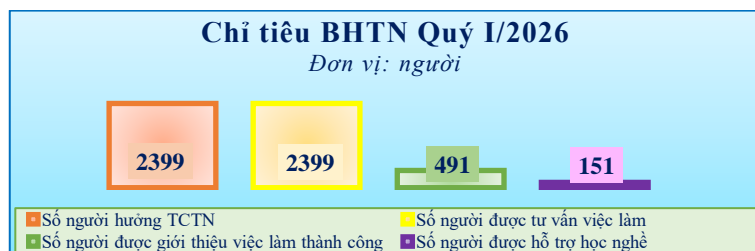
**Hình 12:** Những ngành nghề tăng giảm nhu cầu tìm việc Quý I/2026 so với Quý IV/2025

Nhìn chung, thị trường lao động Quý I/2026 trên địa bàn tỉnh có xu hướng phục hồi tích cực, phản ánh rõ nét sự khởi sắc của hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ sau giai đoạn đầu năm. Nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp gia tăng, góp phần tạo thêm cơ hội việc làm cho người lao động. Tuy nhiên, thị trường lao động vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định, nổi bật là sự dịch chuyển lao động chưa thực sự ổn định giữa các ngành, lĩnh vực; tình trạng biến động lao động còn diễn ra phổ biến do yếu tố cá nhân và đặc thù việc làm. Bên cạnh đó, sự chênh lệch giữa yêu cầu của doanh nghiệp và chất lượng nguồn lao động, đặc biệt ở nhóm lao động có tay nghề và kỹ năng chuyên môn, tiếp tục là thách thức cần được quan tâm trong thời gian tới.

## IV. CHÍNH SÁCH THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

### 1. Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) Quý I/2026

- Số người được hưởng trợ cấp thất nghiệp là 2.399 người;
- Số người được tư vấn việc làm là 2.399 người;
- Số người được giới thiệu việc làm thành công là 491 người;
- Hỗ trợ học nghề cho 151 người.



**Hình 13:** Kết quả thực hiện công tác BHTN Quý I/2026

#### 1.1. Cơ cấu người đăng ký hưởng BHTN theo trình độ

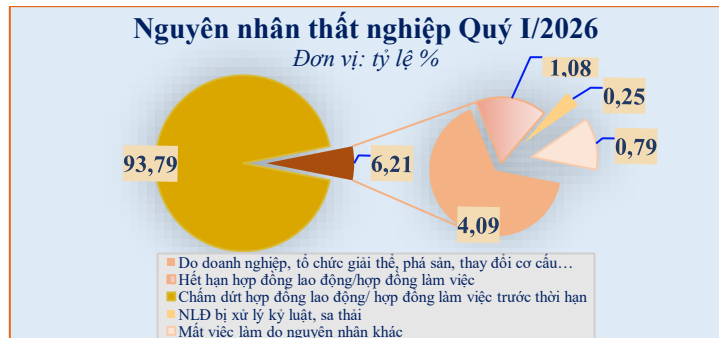
- Người lao động không có bằng cấp, chứng chỉ chiếm 56,15%;
- Người lao động có chứng nhận, chứng chỉ nghề sơ cấp chiếm 1,08%;
- Trung cấp nghề, trung học chuyên nghiệp chiếm 7,84%;
- Cao đẳng nghề, cao đẳng chuyên nghiệp chiếm 11,17%;
- Đại học và trên đại học chiếm 23,76%.



**Hình 14:** Cơ cấu người lao động hưởng BHTN theo trình độ Quý I/2026

### 1.2. Nguyên nhân thất nghiệp

- Do doanh nghiệp, tổ chức giải thể, phá sản, thay đổi cơ cấu... chiếm 4,09%;
- Hết hạn hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc chiếm 1,08%;
- Chấm dứt hợp đồng lao động/ hợp đồng làm việc trước thời hạn chiếm 93,79%;
- NLD bị xử lý kỷ luật, sa thải chiếm 0,25%;
- Mất việc làm do nguyên nhân khác chiếm 0,79%.



**Hình 15:** Nguyên nhân thất nghiệp Quý I/2026

### 1.3. Cơ cấu người đăng ký hưởng BHTN theo ngành làm việc

- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 5,88%;
- Khai khoáng chiếm 0,63%;
- Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 24,64%;
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí chiếm 1,71%;
- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải chiếm 0,33%;
- Xây dựng chiếm 4,25%;
- Bán buôn và bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác chiếm 3,54%;
- Vận tải, kho bãi chiếm 3,50%;
- Dịch vụ lưu trú và ăn uống chiếm 10,50%;
- Thông tin truyền thông chiếm 1,25%;
- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm chiếm 2,50%;

- Hoạt động kinh doanh bất động sản chiếm 0,25%;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chiếm 0,38%;
- Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ chiếm 0,29%;
- Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc chiếm 0,29%;
- Giáo dục và đào tạo chiếm 3,21%;
- Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội chiếm 2,33%;
- Nghệ thuật, vui chơi và giải trí chiếm 0,17%;
- Hoạt động dịch vụ khác chiếm 34,31%;
- Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế chiếm 0,04%.

#### **1.4. Cơ cấu người đăng ký hưởng BHTN theo vị trí làm việc**

- Kế toán chiếm 4,38%;
- Nhân viên bán hàng chiếm 7,88%;
- Tư vấn tài chính, đầu tư chiếm 0,46%;
- Giao dịch viên ngân hàng chiếm 0,29%;
- Phân tích phát triển phần mềm và các ứng dụng chiếm 0,13%;
- Kỹ thuật xây dựng chiếm 0,79%;
- Kỹ thuật viên điện tử chiếm 0,25%;
- Bác sỹ y khoa chiếm 0,13%;
- Giáo viên dạy nghề chiếm 0,29%;
- Lao động trồng trọt và làm vườn chiếm 0,71%;
- Đầu bếp chiếm 1,58%;
- Thợ hàn chiếm 0,08%;
- Thợ may, thêu và các thợ có liên quan chiếm 8,67%;
- Thợ lắp ráp chiếm 0,50%;
- Lái xe khách, xe tải, xe máy chiếm 5,38%;
- Người quét dọn và giúp việc gia đình, khách sạn và văn phòng chiếm 1,83%;
- Nhân viên dịch vụ bảo vệ chiếm 3,42%;
- Người đưa tin, người giao hàng chiếm 1,25%;
- Nghề nghiệp khác chiếm 61,98%.

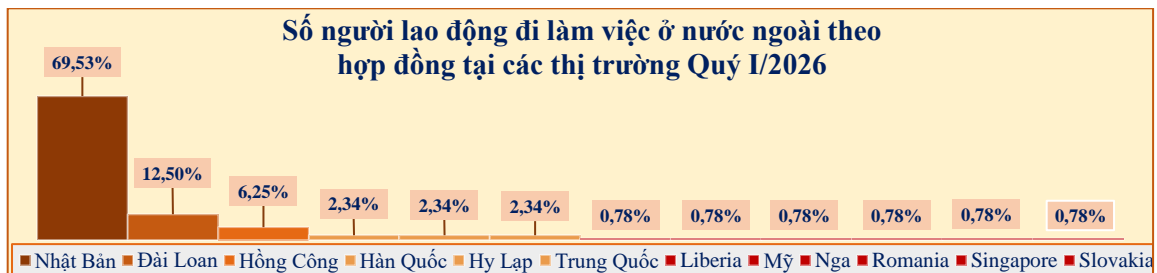
#### **2. Số người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

Tính đến ngày 31/3/2026, số lao động tại Khánh Hòa đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 128 người (lao động nữ là 48 người). Trong đó: thị trường

Nhật Bản dẫn đầu về số lượng người lao động tham gia là 89 người; Đài Loan là 16 người; Hồng Kông là 08 người; Hàn Quốc là 03 người; Hy Lạp là 03 người; Trung Quốc là 03 người và tương ứng 01 người đối với mỗi thị trường Liberia, Mỹ, Nga, Romania, Singapore, Slovakia.

Lao động đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng tập trung một số ngành như: Thợ sản xuất chế tạo (may mặc, in ấn, cơ khí, thợ hàn, thiết bị điện và điện tử, thiết bị điện/linh kiện điện, lắp ráp pin, lắp ráp đồ chơi) là 23 người chiếm 17,97%; Thợ xây dựng khung nhà, công trình và thợ khác có liên quan là 23 người chiếm 17,97%; Lao động trong công nghiệp ( Lao động đóng gói thủ công) là 18 người chiếm 14,06%; Lao động giản đơn trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (Lao động trồng trọt, Lao động chăn nuôi, Lao động làm vườn, Lao động lâm nghiệp, Lao động nuôi trồng thủy sản) là 17 người chiếm 13,28%; Thợ chế biến thực phẩm và các thợ khác có liên quan (Thợ giết, mổ, chuẩn bị thịt, cá và thực phẩm khác có liên quan, Thợ nướng bánh, thợ làm bánh ngọt và bánh kẹo, Thợ làm sản phẩm từ sữa, Thợ bảo quản rau, hoa quả tươi, Thợ nếm và phân loại đồ uống, thực phẩm, Thợ sản xuất và chuẩn bị thuốc lá) là 15 người chiếm 11,72%; Thủy thủ trên tàu và những thợ có liên quan (trừ lao động trên tàu đánh bắt thủy sản) là 11 người chiếm 8,59%; Y tá/Điều dưỡng (cao cấp) và hộ sinh (cao cấp) là 06 người chiếm 4,69%; Các ngành còn lại khác là 15 người chiếm 11,72%.

(Nguồn số liệu: Cục Quản lý Lao động ngoài nước)



**Hình 16:** Tỷ lệ lao động đi làm việc tại nước ngoài tại các thị trường Quý I/2026

Tính đến hết Quý I năm 2026, số lao động trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng dự kiến tiếp tục tăng, phản ánh xu hướng mở rộng thị trường lao động quốc tế và nhu cầu cải thiện thu nhập của người lao động.

Các thị trường tiếp nhận lao động chủ yếu vẫn là Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc, trong đó Nhật Bản tiếp tục giữ vai trò dẫn đầu về số lượng tiếp nhận. Ngoài ra, một số thị trường mới và tiềm năng như châu Âu và Trung Đông bước đầu thu hút người lao động tham gia, góp phần đa dạng hóa thị trường. Ngành nghề tham gia chủ yếu tập trung vào: công nghiệp chế biến, chế tạo; xây dựng; nông nghiệp; chế biến thực phẩm; điều dưỡng - hộ lý; và một số ngành dịch vụ. Đây là những lĩnh vực có nhu cầu tuyển dụng ổn định, thu nhập tương đối cao và phù hợp với trình độ của lao động địa phương.

Hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tiếp tục khẳng định là kênh giải quyết việc làm hiệu quả, góp phần giảm áp lực việc làm trong nước, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống người dân. Đồng thời,

sau khi hoàn thành hợp đồng, người lao động trở về địa phương với tay nghề, kinh nghiệm và tác phong công nghiệp được nâng cao, tạo nguồn nhân lực chất lượng cho thị trường lao động trong tỉnh. Trong thời gian tới, việc đẩy mạnh tuyên truyền, tư vấn, đào tạo ngoại ngữ và kỹ năng nghề trước khi xuất cảnh sẽ là yếu tố quan trọng nhằm nâng cao chất lượng và tính bền vững của hoạt động này.

## **V. DỰ BÁO NHU CẦU LAO ĐỘNG QUÝ II/2026**

Thị trường lao động tỉnh Khánh Hòa trong Quý II năm 2026 được dự báo tiếp tục duy trì đà phục hồi tích cực và tăng trưởng ổn định, gắn liền với sự sôi động trở lại của hoạt động sản xuất, kinh doanh và sự bứt phá của ngành du lịch trong mùa cao điểm hè.

Trong bối cảnh đó, ngành xây dựng và công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò là động lực chủ đạo của thị trường lao động, với nhu cầu tuyển dụng gia tăng nhằm đáp ứng tiến độ triển khai các dự án đầu tư và mở rộng đơn hàng sản xuất. Đồng thời, khu vực dịch vụ - du lịch ghi nhận xu hướng tăng mạnh nhu cầu lao động, đặc biệt là lao động thời vụ và ngắn hạn, phục vụ trực tiếp cho các hoạt động lưu trú, ăn uống, vận tải và dịch vụ du lịch.

Tuy nhiên, bên cạnh những tín hiệu tích cực, thị trường lao động vẫn tiềm ẩn những khó khăn nhất định, trong đó nổi bật là tình trạng thiếu hụt cục bộ lao động có tay nghề và lao động kỹ thuật. Trong khi đó, một bộ phận lao động phổ thông tuy dồi dào về số lượng nhưng còn hạn chế về kỹ năng, tác phong và khả năng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp, dẫn đến sự lệch pha nhất định giữa cung và cầu lao động. Để giảm tình trạng mất cân đối cung - cầu lao động, cần đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với nhu cầu doanh nghiệp.

Dự kiến nhu cầu lao động tỉnh Khánh Hòa Quý II/2026 tăng từ 5-10% so với Quý I/2026, tập trung một số ngành như: Xây dựng có nhu cầu tuyển dụng 2.994 lao động chiếm 37%; Công nghiệp chế biến, chế tạo có nhu cầu tuyển dụng 2.775 lao động chiếm 34,30%); Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác có nhu cầu tuyển dụng 638 lao động chiếm 7,89%; Dịch vụ lưu trú và ăn uống có nhu cầu tuyển dụng 612 lao động chiếm 7,56%; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có nhu cầu tuyển dụng 201 lao động chiếm 2,48%; Vận tải kho bãi có nhu cầu tuyển dụng 170 lao động chiếm 2,1%; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm có nhu cầu tuyển dụng 124 lao động chiếm 1,53%; Các ngành còn lại khác có nhu cầu tuyển dụng 577 lao động chiếm 7,13%;

Và tập trung ở một số nghề chủ yếu như: Thủ công và nghề có liên quan (Xây dựng; Thợ xây; Thợ mộc; Thợ nước; Hàn; Thợ máy; In dệt; Làm bánh; Đan, dệt, may...) có nhu cầu tuyển dụng 4.622 lao động chiếm 57,13%; Nhân viên làm ngành dịch vụ, bán hàng (Giúp việc; Giúp việc cửa hàng; Bán hàng; Cắt tóc; Trông trẻ; Đầu bếp; Bồi bàn...) có nhu cầu tuyển dụng 1.017 lao động chiếm 12,57%; Cán bộ, kỹ thuật viên, chuyên viên bậc trung (Cơ khí; Vẽ phát thảo; Lắp đặt máy tính; Vận hành máy móc; Trợ giúp y tế; Không lưu; Thợ; Tư vấn du lịch; Bất động sản; Phát thanh viên...) có nhu cầu tuyển dụng 674 lao động chiếm 8,33%; Nông, ngư nghiệp có kỹ năng có nhu cầu tuyển dụng 519 lao động chiếm 6,41%; Nghề

giản đơn (Quét dọn; Thu rác; Bảo vệ; Bảo trì nhà...) có nhu cầu tuyển dụng 475 lao động chiếm 5,87%; Các nghề còn lại khác có nhu cầu tuyển dụng 784 lao động chiếm 9,69%.

Theo cơ cấu trình độ, dự báo nhu cầu tuyển dụng lao động có trình độ Đại học trở lên chiếm khoảng 8,35%; Cao đẳng 6,70%; Trung cấp 11,52%; Sơ cấp 0,36%; Lao động phổ thông chiếm khoảng 73,07%...

Trên đây là những thông tin được cập nhật tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa về việc tổng hợp, phân tích, đánh giá và dự báo nhằm phục vụ cho định hướng kết nối cung - cầu lao động tại địa phương./.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng LĐ-VL;
- Lãnh đạo Trung tâm DVVL Khánh Hòa;
- Các Sở, ban ngành tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã, phường;
- Các trường ĐH, CĐ, TC trên địa bàn tỉnh;
- Website [thongtinviệcclamkhanhhoa.vn](http://thongtinviệcclamkhanhhoa.vn);
- Lưu: VT, HCNV, Xuân.

(VBĐT)

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đại Dương**